

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 01-4-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tiến Tr, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Số 2941/32/15/6, đường P, phường A, quận V, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 467/7, đại lộ B, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 7/17, khu phố BH, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: số 94, khu phố TQ, phường AT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Tiến Tr trình bày:

Vào ngày 30/12/2015, ông Tr có cho ông Nguyễn Hữu P vay số tiền 56.000.000 đồng với lý do ông P đang cần tiền để giải quyết việc làm ăn và chi tiêu trong gia đình.

Tại hợp đồng vay ngày 30/12/2015, hai bên thỏa thuận:

Ông Tr cho ông P vay số tiền 56.000.000 đồng với thời hạn vay 30 ngày (kể từ ngày 30/12/2015 đến ngày 30/01/2016) với lãi suất là 3%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay.

Ông Tr đã giao đủ số tiền 56.000.000 đồng cho ông P vào ngày 30/12/2015.

Đến hạn trả nợ ông Tr gặp ông P yêu cầu trả tiền nhưng ông P chỉ trả được 5.000.000 đồng vào ngày 17/4/2016 và 05/6/2016 trả 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại ông P chỉ hứa hẹn trả nhưng không thực hiện.

Ông Tr khởi kiện ông P yêu cầu trả nợ gốc 46.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2020 là 69.000.000 đồng ($46.000.000 \text{ đồng} \times 3\% \times 50 \text{ tháng}$). Tổng cộng: 115.000.000 đồng.

Ngày 03/11/2020, ông Tr trình bày chỉ yêu cầu ông P trả tiền gốc 46.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng vay tiền ngày 30/12/2015.

Quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Tr khởi kiện ông P yêu cầu trả số tiền 46.000.000 đồng tiền nợ vay. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn - ông Tr khởi kiện bị đơn – ông P có nơi cư trú tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T được quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Quá trình tố tụng nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2020 là 69.000.000 đồng (46.000.000 đồng x 3% x 50 tháng). Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[5] Về nội dung vụ án: Ông Tr khởi kiện ông P yêu cầu ông P trả cho ông Tr số tiền đã vay còn nợ lại 46.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Tr là giấy vay tiền ngày 30/12/2015

Xét giấy vay tiền ngày 30/12/2015 thấy rằng: Nội dung giấy vay tiền thể hiện rõ bên cho vay là ông Nguyễn Tiến Tr. Bên vay tiền là ông Nguyễn Hữu P. Số tiền vay là 56.000.000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày 30/12/2015 đến ngày 30/01/2016, phương thức cho vay bằng tiền mặt. Hai bên có ký tên vào hợp đồng cho vay tiền, bên dưới chữ ký các bên thể hiện nội dung ông P trả tiền cho ông Trung, cụ thể :

Ngày 05/4/2016 trả 5.000.000 đồng

Ngày 17/4/2016 trả 5.000.000 đồng.

Nên có căn cứ xác định ông P có vay của ông Tr số tiền 56.000.000 đồng, ông Tr đã giao số tiền này cho ông P bằng tiền mặt. Số tiền ông P vay chỉ trả được 10.000.000 đồng, hiện nay còn 46.000.000 đồng chưa trả. Đối chiếu vào thời hạn trả nay đã quá hạn kể từ ngày 01/02/2016. Việc không trả tiền của ông P cho ông Tr là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Ông Tr bị ảnh hưởng quyền lợi do ông P vi phạm nghĩa vụ nên ông Tr khởi kiện ông P là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Tr đối với ông Nguyễn Hữu P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Nguyễn Hữu P trả cho ông Nguyễn Tiến Tr số tiền 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông Nguyễn Tiến Tr về việc buộc ông Nguyễn Hữu P trả tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2020 với số tiền 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu P phải chịu 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tiến Tr toàn bộ số tiền 2.875.000 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0047411 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí